

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST

Ngày 15/02/2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa pH tòa: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Hạnh Thu.

- Thư ký pH tòa: Ông Mai Văn Việt - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia pH tòa: Bà Vũ Thị Hương - kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/01/2019 và Quyết định hoãn pH tòa số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/01/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; đăng ký HKTT: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương; chỗ ở hiện tại: Thôn C, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Bi đơn: Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1985; đăng ký HKTT và chỗ ở hiện tại: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1958; trú tại: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Chị H, anh H1 có mặt, bà Hay vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn với nhau vào ngày 08/12/2006 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị sống cùng anh H1 ở nhà anh H1 tại thôn An Tân, xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ, cuộc sống chung bình thường có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H1 mải chơi, không tu chí làm ăn, không vun vén cho gia đình. Đến năm 2015, do kinh tế gia đình khó khăn nên chị đã đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Thời gian này mâu thuẫn giữa chị và anh H1 trở nên trầm trọng vì lý do chị gửi tiền về để anh H1 trả nợ nhưng anh H1 không trả nợ mà chi tiêu cá nhân hết, anh H1 còn nghi ngờ chị không chung thủy nên thường xuyên gọi điện chửi bới, lăng mạ chị. Chị thấy tình cảm dành cho anh H1 không còn nên khi hết hạn lao động ở nước ngoài (đầu năm 2018), chị đã về nhà mẹ đẻ ở xã, Huyện K sống, chị và anh H1 ly thân nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh H1.

Về quan hệ con chung: Chị và anh H1 có hai con chung là Nguyễn Thị Hương Thảo, sinh ngày 03/10/2007 và Nguyễn Thái Bảo, sinh ngày 11/10/2012, cháu Thảo hiện đang ở cùng chị còn cháu Bảo đang ở cùng anh H1. Chị đề nghị được nuôi con là Nguyễn Thị Hương T, để cho anh H1 nuôi con là Nguyễn Thái B, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản, tài liệu cho bị đơn là anh Nguyễn Văn H1 và nhiều lần triệu tập anh H1 đến Tòa án giải quyết vụ ly hôn nhưng anh H1 không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị H.

Tòa án tiến hành làm việc với lãnh đạo UBND xã Nguyên Giáp, cán bộ Tư pháp xã, đại diện Hội phụ nữ và trưởng thôn An Tân, xã Nguyên Giáp (nơi anh H1 cư trú) để xác minh tình trạng hôn nhân của chị H và anh H1. Tại biên bản xác minh ngày 27/12/2018, đại diện lãnh đạo xã cùng đại diện ban, hội của địa phương đều xác nhận chị H và anh H1 đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2018 đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh H1, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng là bà Nguyễn Thị Hay (là mẹ anh H1) trình bày: Sau khi cưới, chị H và anh H1 sống cùng nhà với bà và anh chị phát sinh một số mâu thuẫn nhưng là mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, anh H1 mải chơi, chưa tu chí làm ăn. Tuy nhiên, sau khi chị H đi nước ngoài một thời gian thì chị H không còn quan tâm đến chồng con nữa, đầu năm 2018 chị H về nước và đã về nhà bố mẹ đẻ ở huyện K sống, không chung sống cùng anh H1, chị H và anh H1 đã ly thân nhau từ đầu năm 2018 đến nay.

Cháu Nguyễn Thị Hương T, sinh ngày 03/10/2007 (là con chị H và anh H1) trình bày hiện đang học lớp 6, trường THCS L, huyện K và có nguyện vọng được ở cùng mẹ là chị H.

Đại diện Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em ở địa phương bày tỏ quan điểm đề nghị Tòa án giao cho chị H và anh H1 mỗi người nuôi một con vì hiện nay cháu Nguyễn Thị Hương T đang sống cùng chị H, còn cháu Nguyễn Thái B đang sống cùng anh H1, cả chị H và anh H1 đều có điều kiện kinh tế ngang nhau để đảm bảo việc nuôi con.

Toà án đã tiến hành các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vụ án theo quy định của pháp luật nhưng anh H1 không đến tham gia nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên toà sơ thẩm ngày 30/01/2019, bị đơn là anh Nguyễn Văn H1 đã được triệu tập họp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà.

Tại phiên toà này, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh H1 và đề nghị được nuôi con là Nguyễn Thị Hương T. Anh H1 có mặt tại phiên toà và xác định nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do chị H đi ngoại tình nên anh cũng nhất trí ly hôn chị H. Về con chung, anh đồng ý để chị H nuôi cháu T và anh nuôi cháu B, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Ngoài ra, anh H1 còn đề nghị Tòa án giải quyết việc vay nợ giữa anh và chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ có quan điểm xác định việc Toà án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H là đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền - nghĩa vụ của mình, bị đơn trong thời gian chuẩn bị xét xử đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hướng giải quyết vụ án: tại phiên toà, anh H1 nhất trí ly hôn và đồng ý để chị H nuôi cháu T, anh H1 nuôi cháu B nên đề nghị HĐXX áp dụng các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh H1; công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh H1, giao cho chị H nuôi con là Nguyễn Thị Hương T, giao cho anh H1 nuôi con là Nguyễn Thái B, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; về án phí: chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 tự nguyện kết hôn và đã được UBND xã Nguyên Giáp đăng ký, cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/12/2006 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Cả chị H và anh H1 đều khẳng định anh chị có nhiều mâu thuẫn, chị H cho rằng nguyên nhân do anh H1 mãi chơi, không tu chí làm ăn, nghi ngờ chị ngoại tình và thường có lời lẽ xúc phạm, lăng mạ chị, còn anh H1 xác định nguyên nhân là do chị H đi ngoại tình nhưng không có căn cứ chứng minh. Điều đó thể hiện anh chị không có sự tin tưởng và tôn trọng nhau, anh chị đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tại phiên tòa, anh H1 nhất trí ly hôn với chị H. Hội đồng xét xử thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, sự thuận tình ly hôn của chị H và anh H1 là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ con chung: Tại phiên tòa, chị H và anh H1 đã thống nhất để chị H tiếp tục nuôi con là Nguyễn Thị Hương T và để anh H1 tiếp tục nuôi con là Nguyễn Thái B, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. HĐXX thấy rằng sự thỏa thuận của chị H, anh H1 phù hợp với nguyện vọng của cháu T, phù hợp với quan điểm của đại diện cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em ở địa phương, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ tài sản và nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập anh H1 đến Tòa án lấy lời khai cũng như hòa giải nhưng anh H1 không đến, cũng không bày tỏ quan điểm của mình về vấn đề tài sản và nợ chung. Tại phiên tòa, anh H1 đề nghị giải quyết việc vay nợ nhưng không trình bày được cụ thể nội dung, cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp nên HĐXX không có căn cứ giải quyết việc vay nợ giữa anh và chị H trong vụ án này. Nếu sau này anh H1 có đơn yêu cầu giải quyết việc vay nợ chung của vợ chồng, cũng như cung cấp các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1.

2. Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1, giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Nguyễn Thị Hương T, sinh ngày 03/10/2007; giao cho anh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Nguyễn Thái B, sinh ngày 11/10/2012 từ tháng 02/2019 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị H và anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0000724 ngày 04/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Liên Hòa, huyện Kim Thành;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Nhu